| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐB PHỦ**<br>TỈNH ĐB | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **26**/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 03/10/2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐBP, TỈNH ĐB**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Tố Loan

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh.

2. Bà Hoàng Cúc Phương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Minh Thắng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB;

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2018 về việc: "*Ly hôn*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 08 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2018/QĐST- HNGĐ ngày 29/8/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2018/QĐST- HNGĐ ngày 18/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**- sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB, có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trần Thanh B -** Sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB, vắng mặt không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Thanh B kết hôn năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại thị trấn nông trường M , huyện T, tỉnh LC (nay là huyện M , tỉnh ĐB). Đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm vì ông B nghiện ngập ma túy đến nay đã hơn 20 năm, ông B thường xuyên đánh bà M . Hai

bên đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Trước đây, bà M cũng đã một lần nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn. Nay bà M xét thấy tình cảm không còn, bà M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Thanh B có hai con chung là cháu Trần Thanh A, sinh ngày 04/01/1992 và cháu Trần Quốc V, sinh ngày 27/9/1999, các cháu đã đủ tuổi trưởng thành có cuộc sống riêng, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/5/2018, sau khi thụ lý vụ án theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M . Toà án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB đã thông báo thụ lý vụ án số: 133/2018/TLST- HNGĐ ngày 14/5/2018 và đã liên lạc, xuống tống đạt trực tiếp cho ông Trần Thanh B tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng ông B không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì ông B từ chối nhận, ông B không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Tổ trưởng tổ dân phố nơi ông B cư trú thì tổ trưởng tổ dân phố 02, phường HL cho biết ông B đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 02, phường HL, thành phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB nhưng hiện nay ông B đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy ông B đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại tổ dân phố 02, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB và niêm yết tại Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB nhưng đến thời điểm này ông B cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại phiên tòa ông B vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 18/9/2018. Vì lý do bất khả kháng không thể tiến hành phiên tòa được mà không có thẩm phán thay thế. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 18/9/2018 và ấn định phiên tòa sẽ mở lại vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 03/10/2018. Tất cả các thủ tục như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định tạm ngừng phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Thanh B đã được triệu tập hợp lệ 03 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. Bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung và quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai bà đã trình bày.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng**:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 10/5/2018 bà Nguyễn Thị Mnộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB đối với ông Trần Thanh B có địa chỉ tổ dân phố 02, phường HL, thành phố ĐBP, tỉnh ĐB Biên. Ngày 14/5/2018 bà M đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà M theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần Thanh B, cùng trú tại tổ dân phố 02, phường HL, thành phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ĐBP, tỉnh ĐB theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; 179/ BLTTDS, việc ông B không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do ông B đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về yêu cầu khởi kiện**:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mvà ông Trần Thanh B kết hôn năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại thị trấn Nông Trường M , huyện T, tỉnh LC (nay là huyện M , tỉnh ĐB). Như vậy, hôn nhân giữa bà M và ông B đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung. Theo bà M thời gian sau này ông B nghiện ngập ma túy dẫn đến cuộc sống của vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, ông B thường xuyên đánh đập bà M , gây ảnh hưởng xấu đến tinh thần, danh dự của nhau. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Trước đây bà M cũng đã một lần nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm nay, nay bà M xin được ly hôn với ông B. Tòa án đã thông báo cho ông B được biết, nhưng ông B từ chối nhận và ông B không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập ông B nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng ông B vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa

bà M và ông B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà M vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho bà M khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của bà M và áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần Thanh B.

Về con chung: Bà M và ông B có hai con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển B thường và đang học chuyên nghiệp; bà M không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[3] Án phí**: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Điều 228; khoản 1 Điều 235 BLTTDS; Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

**1. Về hôn nhân**: Tuyên xử bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Thanh B.

**2. Về con chung**: Không đề cập giải quyết.

**3. Về tài sản và nợ**: Không đề cập giải quyết.

**4. Về án phí**: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị M phải chịu **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu Ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền **300.000** đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2016/ 0001826 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ĐB Phủ, tỉnh ĐB.

**5. Quyền kháng cáo**: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự bà Nguyễn Thị Mcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/10/2018); ông Trần Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

**<u>Nơi nhận</u>**:
*- VKSND TPĐBP;*
*- Các đương sự;*
*- UBND h. M , tỉnh ĐB;*
*- Chi cục THADS TPĐBP;*
*- Lưu VP;*
*- Tòa án tỉnh ĐB;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tố Loan**